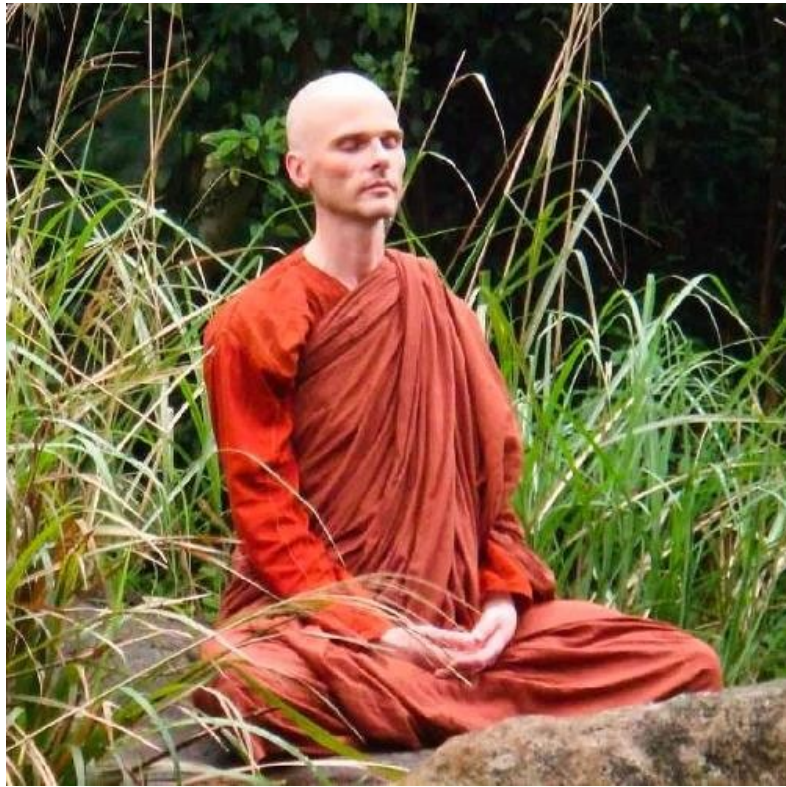


YONISO MANASIKĀRA



Bhikkhu Anālayo

LƯU Ý ĐÚNG CÁCH

(Google Translate)

YONISO MANASIKĀRA

Yoniso manasikāra stands for a form of "attention" that is "thorough" and "penetrative", and therefore also "wise". To explore the connotations of *yoniso manasikāra*, the present article will begin by examining the terms *yoniso* and *manasikāra* individually, followed by surveying passages that are of relevance to the implications of the expression *yoniso manasikāra*, and to its importance in the thought world of the Pāli canon.

Yoniso

The term *yoniso* derives from *yoni*. which stands for a "womb", a "matrix", or a "place of origin". Thus *yoniso* can convey the sense of doing something "thoroughly" or "penetratively", in the sense of going "down to its origins". The idea of doing something in a penetrative manner can be seen in a simile that describes how examining a lump of foam in a manner that is *yoniso* leads to the realization that this lump of foam is empty of any substance (S. III, 140). In the context of this simile, *yoniso* conveys the idea of penetrating through the outer surface of phenomena — in this case the surface of a lump of foam—and realizing the true nature of what is found beneath this surface.

The nuance of thoroughness, in the sense of doing something intensively, seems to be prominent in a description of someone who is stirred by the prospect of disease or death and thereon "thoroughly" endeavours, *saṃviggo yoniso padahati*, in order to progress on the path to liberation (A. 11, 115). Another example would be a verse, which proclaims that the deathless can be attained even today by those who "thoroughly" apply themselves, *amataṃ ajjāpi ca labhanīyam idaṃ, yoyoniso payuñjati* (Thig. 5 13). A monk who in this way "thoroughly" endeavours, will reach the destruction of - *dukkha, yoniso padahaṃ bhikkhu, khayam dukkhassa pāpune* (It. 10). The idea of thoroughness would also be relevant for an occurrence of *yoniso* in a verse that compares "thoroughly" restraining the mind to a mahout who controls an elephant, *cittam . . tad ajj'ahaṃ niggahessāmi yoniso, hatthippabhinnam viya aṅkusaggaho* (Dhp. 326).

YONISO MANASIKĀRA (LƯU Ý ĐÚNG CÁCH)

Yoniso manasikāra là cụm từ mô tả sự "chú ý" với tính cách "kỹ lưỡng" và "xuyên sâu", và do đó cũng "khôn khéo". Để khám phá ý nghĩa của *yoniso manasikāra*, bài viết này sẽ bắt đầu bằng cách xem xét các thuật ngữ *yoniso* và *manasikāra* riêng lẻ, tiếp theo là khảo sát những đoạn văn có liên quan đến ý nghĩa của biểu thức *yoniso manasikāra*, và tầm quan trọng của nó trong hệ tư tưởng kinh điển Pāli.

Yoniso

Thuật ngữ *yoniso* bắt nguồn từ *yonī*, căn từ "tử cung", "khuôn đúc" hoặc "nơi xuất xứ". Như vậy *yoniso* có thể truyền đạt ý nghĩa làm điều gì đó một cách "triệt để" hoặc "suyên suốt", theo nghĩa là đi "đến tận nguồn gốc của nó". Ý tưởng làm điều gì đó một cách sâu sắc có thể hình dung qua ví dụ của việc xem xét một khối bột theo cách thức *yoniso* dẫn đến việc nhận ra rằng khối bột này thực sự không có chất gì (S. III, 140). Trong bối cảnh của ví dụ này, *yoniso* truyền tải ý tưởng xuyên qua bề mặt bên ngoài của hiện tượng - trong trường hợp này là bề mặt của một khối bột - và nhận ra bản chất thực sự của những gì được tìm thấy bên dưới bề mặt này.

Sắc thái của sự "kỹ lưỡng", theo nghĩa là làm một việc gì đó một cách chuyên sâu, có lẽ nổi bật nhất qua mô tả về một người bị kích động bởi viễn cảnh về bệnh tật hoặc về cái chết và qua đó nỗ lực một cách "triệt để", *saṃviggo yoniso padahati*, để tu tiến trên con đường giải thoát (A.II, 115). Một ví dụ khác là một bài kệ tuyên bố rằng thậm chí ngày nay người ta có thể đạt được trạng thái bất tử nếu nỗ lực một cách "triệt để", *amataṃ ajjāpi ca labhanīyam idaṃ, yoyoniso payuñjati* (Thig. 513). Một vị tỳ khuru nỗ lực "kỹ lưỡng" theo cách này sẽ đạt đến sự đoạn diệt - *dukkha*, *yoniso padahaṃ bhikkhu, khayamaṃ dukkhassa pāpuna* (It. 10). Ý tưởng về sự kỹ lưỡng cũng có liên quan đến sự xuất hiện của *yoniso* trong một bài kệ so sánh việc kiềm chế tâm trí một cách "triệt để" ở một người quản tượng điều khiển con voi, *cittamaṃ... tad ajj'ahaṃ niggahessāmi yoniso, hatthippabhinnamaṃ viya aṅkusaggaho* (Dhp. 326).

At times, *yoniso* can also convey the sense of "proper" or "appropriate". This meaning underlies a passage where a king finds out that the Buddhist monks make good use of robe material given to them, as once their robes become worn, they employ the cloth as mattress coverings, foot-wipers etc., and the shreds left over after such usage are kneaded with mud and used for construction work. This convinces the king that the monks make use of the cloth they receive in a "proper" manner, *yoniso upanenti* (NN. 11, 292). The nuance of appropriateness could also be relevant to a passage in the Sutta, according to which it is not beneficial to live the holy life in an "improper" manner, *ayoniso brahmacanyap carati* (M. III. 138).

Besides the nuances of thoroughness and appropriateness, *yoniso* often conveys the idea of doing something in a "wise" manner. This sense of the term becomes particularly evident with a set of similes, where the opposite term *ayoniso* stands for doing something in an "unwise" or even "foolish" manner. One of these similes describes a woman wondering if the child she is pregnant with will be a male and thus become the heir to the family's wealth. In order to find out, she takes a knife and cuts open her own belly. As a result, she passes away together with the embryo. Such a way of acting is to seek for an inheritance in an "unwise" manner, like fools would do, *yathā bālā... ayoniso dāyajjam gavesanti* (D.II, 331). The same imagery of seeking for something in an unwise manner, *ayoniso*, recurs in another simile which describes how a group of villagers tries to find the sound of a trumpet by speaking to the trumpet, shaking it and hitting it (D.II, 337). A third instance of the same imagery involves making a fire. Here someone tries to kindle a fire by just chopping up the fire sticks, a rather "unwise" manner, *ayoniso*, of searching for fire (D.II, 341). These three similes employ *ayoniso* in a way that clearly suggests the nuance of "wisely" for the opposite term *yoniso*.

Đôi khi *yoniso* cũng có thể truyền đạt ý nghĩa "đúng đắn" hoặc "thích hợp". Ý nghĩa này làm cơ sở cho một đoạn văn kể chuyện một vị vua phát hiện ra rằng các nhà sư Phật giáo tận dụng tốt vật liệu y áo được trao cho họ, vì một khi y của họ bị mòn, họ tiếp tục dùng vải đó làm tấm trải nệm, khăn lau chân, v.v., và những mảnh vải vụn còn sót lại sau khi sử dụng như vậy sẽ được nhào trộn với bùn và sử dụng cho công trình xây dựng. Điều này thuyết phục nhà vua rằng các tu sĩ sử dụng y phục họ nhận được một cách "đúng đắn", *yoniso upanenti* (NN.II, 292). Sắc thái của sự phù hợp cũng có thể liên quan đến một đoạn trong Kinh, theo đó, sống đời phạm hạnh theo cách "không đúng đắn" là không có lợi, *ayoniso brahmacanyap carati* (M.III. 138).

Bên cạnh sắc thái kỹ lưỡng và phù hợp, *yoniso* thường truyền tải ý tưởng làm việc gì đó một cách "khôn khéo". Ý nghĩa này của thuật ngữ này trở nên đặc biệt rõ ràng với một loạt các ví dụ, trong đó thuật ngữ ngược lại *ayoniso* có nghĩa là làm điều gì đó theo cách "không khôn khéo" hoặc thậm chí "ngu ngốc". Một trong những ví dụ này mô tả một người phụ nữ tự hỏi liệu đứa con mà cô ấy đang mang thai có phải là con trai hay không và do đó trở thành người thừa kế tài sản của gia đình. Để tìm hiểu, cô đã lấy dao tự mổ bụng mình. Kết quả là cô ấy qua đời cùng với bào thai. Cách hành động như vậy là nhằm tìm kiếm cơ nghiệp một cách "không khôn ngoan", như những kẻ ngốc sẽ làm, *yathā bālā... ayoniso dāyajjam chosanti* (D.II, 331). Hình ảnh tương tự về việc tìm kiếm điều gì đó một cách thiếu khôn ngoan, *ayoniso*, tái diễn trong một ví dụ khác mô tả một nhóm dân làng cố gắng tìm ra âm thanh của một chiếc kèn bằng cách nói chuyện với chiếc kèn, lắc nó và đánh nó (D.II, 337).). Trường hợp thứ ba của hình ảnh tương tự liên quan đến việc đốt lửa. Ở đây có người cố gắng nhóm lửa bằng cách chặt các que lửa, một cách khá "không khôn ngoan", *ayoniso*, trong việc tìm kiếm lửa (D.II, 341). Ba lối so sánh này sử dụng *ayoniso* theo cách gợi ý rõ ràng sắc thái "không khôn ngoan" cho thuật ngữ ngược lại là *yoniso*.

The meaning of "wisely" as a central implication of the qualification *yoniso* can be seen in several occurrences of the term itself. Thus to put questions in a way that is *yoniso*, or to answer them in such a way, is the hallmark of a wise person, a *paṇḍita* (A.I, 103). In contrast, one who is not capable of asking questions in such a manner will be reckoned a fool (D.I, 118). Another type of context involves "wisely" reflecting on the import of the teachings one has heard, *yoniso paccavekkhisam* (Thag. 347). To investigate the teachings in a manner that is *yoniso* leads to purification and wisdom, *yoniso vicine dhammam, evam tattha visujjhati* (S.I, 34); *yoniso vicine dhammam, paññyattham vipassati* (A.IV, 3). Thus *yoniso* can qualify the type of wise mental investigation that leads to liberation, *vicinānttyāyoniso* (Thig. 85); or stand for wisely seeing with insight the true characteristics of reality, *aniccam dukkan 'ti vipassa yoniso, suññaṃ anattā 'ti* (Thag.II, 117).

In sum, then, *yoniso* in its early canonical usage conveys a sense of doing something "thoroughly", in an "appropriate" manner, and "wisely". These nuances cannot be neatly separated from each other and, even though at times one of these meanings may be more prominent, in other instances it would be difficult to decide on any of them. Thus the above selection of instances only intends to reflect the range of nuances conveyed by *yoniso*, without thereby implying that each occurrence has to necessarily correspond to only one of these three related meanings. An example for the convergence of these three nuances would be a verse that describes how a monk reached liberation after having practised in a *yoniso* manner, *yoniso pappajjitvā* (Thag. 158). His practice would have to have been "thorough", must have been "proper", and certainly was "wise".

“Khôn ngoan” như ý nghĩa trọng tâm của *yoniso* có thể được thấy trong một số trường hợp sự xuất hiện của chính thuật ngữ đó. Vì vậy, đặt câu hỏi theo cách *yoniso*, hoặc trả lời theo cách như vậy, là dấu hiệu của một người khôn ngoan, một *paṇḍita* (A.I, 103). Ngược lại, người không có khả năng hỏi những câu hỏi như vậy sẽ bị coi là kẻ ngốc (D.I, 118). Một loại bối cảnh khác liên quan đến việc suy ngẫm một cách “khôn ngoan” về tầm quan trọng của những lời dạy mà một người đã nghe, *yoniso paccavekkhisam* (Thag. 347). Nghiên cứu giáo lý theo cách *yoniso* dẫn đến thanh tịnh và trí tuệ, *yoniso vicine dhammam, evam tattha visujjhati* (S.I, 34); *yoniso vicine dhammam, paññyattham vipassati* (A.IV, 3). Như vậy, *yoniso* có thể xác định được loại trí tuệ điều tra đưa đến giải thoát, *vicinanttyāyoniso* (Thig. 85); hoặc tượng trưng cho việc nhìn thấy một cách sáng suốt những đặc tính thực sự của thực tại, *aniccam dukkan'ti vipassa yoniso, suññaṃ anattā 'ti* (Thag.II, 117).

Tóm lại, *yoniso* trong kinh điển nguyên thủy truyền tải cảm giác làm điều gì đó một cách "kỹ lưỡng", theo cách "thích hợp" và "khôn khéo". Những sắc thái này không thể tách rời nhau. Thậm chí mặc dù đôi khi một trong những sắc thái này có thể nổi bật hơn, nhưng trong những trường hợp khác sẽ khó có thể hiểu được cái nào là khía cạnh chính. Vì vậy, việc lựa chọn các trường hợp ở trên chỉ nhằm mục đích phản ánh nhiều sắc thái được truyền đạt bởi *yoniso*, mà không ngụ ý rằng mỗi lần xuất hiện nhất thiết phải tương ứng với chỉ một trong ba ý nghĩa liên quan này. Một ví dụ về sự hội tụ của ba sắc thái này là câu mô tả cách một tu sĩ đạt được giải thoát sau khi thực hành theo phương pháp *yoniso*, *yoniso pappajjitvā* (Thag. 158). Việc thực hành của anh ta phải “kỹ lưỡng”, phải “đúng đắn” và chắc chắn là “khôn khéo”.

Manasikāra

Translated literally, *manasi karoti* means to "do" or to "make" something "in the mind". Being one of the constituents of *nāma* (M. 1, 53), *manasikāra* is an ever-present aspect of the mind. As such, *manasikāra* lies at the origin of all experienced phenomena, *manasikārasambhavā sabbe dhammā* (A.IV, 339); since once attention arises, phenomena will arise, *manasikārasamudayā dhammānaṃ samudayo* (S.V, 184).

Given that *manasikāra* is present in all states of mind, the crucial question is: to what object and in what manner is this faculty of attention directed? If, for example, *manasikāra* focuses on the feature of physical beauty, lust will invade the mind, *subhanimittassa manasikārā rāgo cittaṃ anuddhamṣessati* (M.I, 26). Or else, if *manasikāra* dwells on the bad qualities of another person, anger will arise (A.III, 187). Taking into account the need of avoiding the dire consequences of wrongly directed *manasikāra*, the Buddha would teach his disciples how attention should be directed, *evaṃ manasikarotha, mā evaṃ manasākattha* (D.I, 214). This "how" of directing attention, as one might well suspect from the thrust of the present article, should "thorough" and be *yoniso*, that is: "wise", "appropriate".

The implications of *yoniso manasikāra*

Yoniso manasikāra is thus a form of "attention" purposely directed in a manner that is "wise" and at the same time "thorough" and "appropriate". A central task of *yoniso manasikāra*, in line with its nature as a form of attention that goes to the very origin of things, is to explore the conditioned nature of phenomena. A case in point can be seen in the description of the process of mental development that preceded the awakening of *Vipassī bodhisattva*. His understanding of the dependent arising of each of the links of *paṭicca samuppāda* — old age and death, birth, etc. — took place through *yoniso manasikāra* (D.II, 31 or S.II, 5).

Yoniso manasikāra performed the same role in relation to the awakening of other previous Buddhas, including Gotama Buddha, who similarly developed insight into the links of *paṭicca samuppāda* with the help of *yoniso manasikāra* (S.II, 9-10; S.II, 104).

Manasikāra

Dịch theo nghĩa đen, *manasi karoti* có nghĩa là "làm" hoặc "tạo ra" điều gì đó "trong tâm trí". Là một trong những thành phần của *nāma* (M. 1, 53), *manasikāra* là một khía cạnh (tâm sở) luôn hiện diện của tâm. Như vậy, *manasikāra* nằm ở nguồn gốc của mọi hiện tượng được trải nghiệm, *manasikārasambhavā sabbe dhammā* (A.IV, 339); bởi vì một khi sự chú ý khởi lên, các hiện tượng sẽ khởi lên, *manasikārasamudayā dhammānaṃ samudayo* (S.V, 184).

Bởi vì *manasikāra* hiện diện trong mọi trạng thái của tâm, câu hỏi quan trọng là: khả năng chú ý này hướng tới đối tượng nào và theo cách nào? Ví dụ, nếu *manasikāra* tập trung vào đặc điểm về đẹp hình dáng thì dục vọng sẽ xâm chiếm tâm trí, *subhanimittassa manasikārā rāgo cittaṃ anuddhamṣessati* (M.I, 26). Hoặc nếu không như thế, nếu *manasikāra* tập trung vào những phẩm chất xấu của người khác thì sân hận sẽ nổi lên (A.III, 187). Nghĩ đến nhu cầu cần tránh những hậu quả thảm khốc khi *manasikāra* được hướng dẫn sai lầm, Đức Phật đã dạy các đệ tử của Ngài cách hướng dẫn sự chú ý, *evaṃ manasikarotha, mā evaṃ manasākattha* (D.I, 214). Cái "cách" hướng dẫn sự chú ý này, như người đọc có thể nhận thấy đây chính là trọng tâm của bài viết này, phải cần có "kỹ lưỡng" và *yoniso*, tức là có luôn "khôn khéo" và "thích hợp".

Ý nghĩa của *yoniso manasikāra*

Do đó, *yoniso manasikāra* là sự "sự chú ý" được hướng dẫn một cách có mục đích, có "khôn khéo" và đồng thời có "kỹ lưỡng" và "thích hợp". Nhiệm vụ trọng tâm của *yoniso manasikāra*, phù hợp với bản chất của nó là một hình thức chú ý đi sâu vào nguồn gốc của sự vật, là khám phá bản chất hữu vi của các hiện tượng. Một trường hợp điển hình có thể được thấy trong phần mô tả quá trình phát triển tâm thức trước sự giác ngộ của Bồ tát *Vipassī*. Sự hiểu biết của ngài về duyên khởi, của mỗi khoen trong *paṭicca samuppāda* - già và chết, sinh, v.v. - diễn ra thông qua *yoniso manasikāra* (D.II, 31 hoặc S.II, 5).

Yoniso manasikāra đóng vai trò tương tự liên quan đến sự giác ngộ của các vị Phật trước đây, bao gồm cả Đức Phật Gotama, người đã phát triển tuệ giác tương tự về những mối liên kết của *paṭicca samuppāda* với sự hỗ trợ của *yoniso manasikāra* (S.II, 9-10; S.II, 104).

In all these cases, *yoniso manasikāra* was instrumental in arousing the wisdom that led to realization, *yoniso manasikārā ahu paññāya abhisamayo*. Since Buddhas awaken on their own, without being taught the way to liberation by others, the potential of *yoniso manasikāra* in preparing the ground for the arising of liberating insight can hardly be overestimated. That *yoniso manasikāra* performed a rather crucial role in relation to Gotama Buddha's attainment of supreme liberation is also reflected in another discourse, which highlights that the Buddha's awakening took place through *yoniso manasikāra* and through striving that was similarly directed in a *yoniso* manner, *yoniso manasikārā yoniso sammappadhānā anuttara vimutti anuppattā* (Vin.I, 22 or S.I, 105).

The practical implications of *yoniso manasikāra* in relation to *paṭicca samuppāda* are spelled out in several discourses, which clarify that such wise and penetrative attention focuses on the specific conditionality of phenomena: "when this is, that comes to be, with the arising of this, that arises" etc., *imasmim sati idam hoti, imassa uppādā idam uppajjati* (S.II, 95).

Paṭicca samuppāda is, however, certainly not the only object of *yoniso manasikāra*, a mental quality which much rather is of relevance to the entire field of insight. *Yoniso manasikāra* directed to the impermanent nature of the five aggregates of clinging, in particular, has a considerable potential of leading to the destruction of lust and therewith to liberation (S.III, 52). It goes without saying that a similar outcome can also be attained if *yoniso manasikāra* is directed to the impermanent nature of the senses or their objects (S.IV. 142). Besides awareness of impermanence, the range of *yoniso manasikāra* also comprises giving attention to the five aggregates of clinging as something that is unsatisfactory, a disease, a tumour, a dart, a misery, an affliction, alien, disintegrating, empty and not-self (S.III, 167).

Trong tất cả các trường hợp này, *yoniso manasikāra* là công cụ khơi dậy trí tuệ dẫn đến chứng ngộ, *yoniso manasikārā ahu paññāya abhisamayo*. Bởi vì chư Phật tự mình giác ngộ, không được người khác chỉ dạy con đường giải thoát, nên tiềm năng *yoniso manasikāra* của các Ngài trong việc chuẩn bị nền tảng cho sự phát sinh của tuệ giác giải thoát là vô thường. Việc *yoniso manasikāra* đóng một vai trò khá quan trọng liên quan đến việc đạt được giải thoát tối thượng của Đức Phật Gotama cũng được phản ánh trong một bài kinh khác, trong đó nhấn mạnh rằng sự giác ngộ của Đức Phật diễn ra thông qua *yoniso manasikāra* và thông qua nỗ lực được hướng dẫn tương tự theo cách thức *yoniso, yoniso manasikārāyoniso sammappadhānā anuttara vimutti anuppattā* (Vin.I, 22 hoặc S.I, 105).

Ý nghĩa thực tế của *yoniso manasikāra* liên quan đến *paṭicca samuppāda* được trình bày trong một số bài kinh, trong đó làm rõ rằng sự chú ý sáng suốt và xuyên sâu như vậy tập trung vào điều kiện cụ thể của các hiện tượng: “khi cái này có, cái kia xuất hiện; với sự sinh khởi của cái này, cái đó phát sinh” v.v., *imasmim sati idam hoti, imassa uppādā idam uppajjati* (S.II, 95).

Tuy nhiên, *paṭicca samuppāda* chắc chắn không phải là đối tượng duy nhất của *yoniso manasikāra*, một phẩm chất tinh thần có liên quan nhiều đến toàn bộ lĩnh vực tuệ giác. Đặc biệt, khi *yoniso manasikāra* hướng đến bản chất vô thường của năm uẩn dính mắc, sẽ có tiềm năng đáng kể để tiêu diệt dục vọng và từ đó dẫn đến giải thoát (S.III, 52). Không cần phải nói cũng biết rằng kết quả tương tự cũng có thể đạt được nếu *yoniso manasikāra* hướng đến bản chất vô thường của các giác quan hoặc đối tượng của chúng (S.IV. 142). Bên cạnh sự nhận biết về vô thường, phạm vi của *yoniso manasikāra* còn bao gồm việc chú ý đến năm uẩn dính mắc như một điều bất toại nào đó: một căn bệnh, một khối u, một mũi tên, một sự đau khổ, một phiền não, sự dị biệt, tan rã, trống rỗng và vô-ngã (S.III, 167).

Yoniso manasikāra as a form of attention directed to the true nature of phenomena stands in direct contrast to *ayoniso manasikāra*, which according to the *Vibhaṅga* can be characterized as 'mis'-taking what is impermanent for permanent, *anicce 'niccan'ti ayoniso manasikāro*, or mistaking what is unsatisfactory for being satisfactory, what is not-self for being self, and what is not beautiful for being beautiful (Vibh. 373).

Cultivated in this way, *yoniso manasikāra* can become a powerful tool for de-conditioning the way to perception, *saññā*, misinterprets the world of experience. Such misinterpretations are traditionally listed as the *vipallāsas*, corresponding to the four types of *ayoniso manasikāra* listed in the *Vibhaṅga* passage above. The operational mechanism of such perceptual misinterpretations through *ayoniso manasikāra* is based on the very nature of *saññā*, whose task is to match information received through the sense doors with mental labels and concepts, leading to various associations and memories. Such concepts and associations are only too often tinged by desire, aversion and delusion, being the outcome of habitual reactions under the influence of defilements.

Such habits have been built up throughout the past and continue to be fortified in the present. whenever such reactions recur. Due to the influence of these habitual reactions and associations, whatever is experienced will be apprehended together with the subjective notions the mind projects onto the data of the senses. Both come together in an almost inextricable mix, and the perceiver is mostly unaware of the degree to which his or her experience is influenced by preconceived notions and thereby mirrors and confirms subjective prejudices.

Ayoniso manasikāra as a form of unwise and perhaps also somewhat 'superficial' attention perpetuates this state of affairs, where the falsification of data through *saññā* remains unquestioned. The remedy here is *yoniso manasikāra*, a wise and penetrative form of attention that goes beyond the superficial appearance of things in order to come to know their true nature, however much disappointing this may be. Continuous training in *yoniso manasikāra* will eventually change the way perception apprehends the world, whereby awareness of the true characteristics of reality will gradually become as ingrained in perceptual appraisal as the earlier habitual reactions.

Yoniso manasikāra là sự chú ý hướng đến bản chất thực sự của các hiện tượng, nó tương phản trực tiếp với *ayoniso manasikāra*, mà theo *Vibhaṅga* có thể được mô tả là "lầm". Hiểu lầm cho rằng những gì vô thường là thường hằng, *anicce 'niccan'ti ayoniso manasikāro*, hay nhầm lẫn rằng cái gì bất toại nguyện là đáng hài lòng, cái gì là vô ngã là tự ngã, và cái gì không đẹp lại là đẹp - Thường, Lạc, Ngã, Mỹ (*Vibh.* 373).

Được trau dồi theo cách này, *yoniso manasikāra* có thể trở thành một công cụ mạnh mẽ để giải trừ con đường dẫn đến nhận thức sai lầm về thế giới trải nghiệm. Những giải thích sai lầm như vậy theo truyền thống được liệt kê là *vipallāsa*, tương ứng với bốn loại *ayoniso manasikāra* được liệt kê trong đoạn *Vibhaṅga* nêu trên. Cơ chế hoạt động của những hiểu lầm về nhận thức như vậy thông qua *ayoniso manasikāra* dựa trên bản chất của *saññā*, nhiệm vụ của nó là kết hợp thông tin nhận được qua các cửa giác quan với các nhãn hiệu và khái niệm trong tâm trí, dẫn đến nhiều liên tưởng và ký ức khác nhau. Những khái niệm và liên tưởng như vậy thường bị nhuộm màu bởi tham, sân và ảo tưởng, và là kết quả của những phản ứng theo thói quen dưới ảnh hưởng của phiền não.

Những thói quen như vậy đã được hình thành trong suốt quá khứ và tiếp tục được củng cố ở hiện tại. Bất cứ lúc nào những phản ứng cứ như vậy mà tái diễn. Do ảnh hưởng của những phản ứng và liên tưởng theo thói quen này, bất cứ điều gì được trải nghiệm sẽ được nắm bắt cùng với những ý niệm chủ quan mà tâm trí phóng chiếu lên dữ liệu của các giác quan. Cả hai kết hợp với nhau thành một khối gần như không thể tách rời, và người thọ nhận hầu như không thể thấy được mức độ trải nghiệm của mình đã bị ảnh hưởng bởi các quan niệm định sẵn và từ đó phản chiếu và xác nhận những định kiến chủ quan.

Ayoniso manasikāra là một hình thức chú ý "không khôn ngoan" và có lẽ cũng khá "hời hợt" đã kéo dài tình trạng này, do việc làm sai lệch dữ liệu thông qua *saññā* không được kiểm soát. Phương pháp chữa trị ở đây là *yoniso manasikāra*, một hình thức chú ý khôn ngoan và xuyên suốt, vượt qua cái vỏ bề ngoài của sự vật để biết được bản chất thực sự của chúng, cho dù điều này có thể gây thất vọng đến mức nào. Việc rèn luyện liên tục trong *yoniso manasikāra* cuối cùng sẽ thay đổi nhận thức hiểu về thế giới, nhờ đó nhận thức về các đặc tính thực sự của thực tại sẽ dần dần ăn sâu vào sự đánh giá nhận thức như phản ứng theo thói quen trước đó.

In view of this potential, it comes as no surprise that *yoniso manasikāra* is a central condition for the arising of the awakening factors, just as its opposite *ayoniso manasikāra* is responsible for the arising of the hindrances (S.V, 94 and S.V, 84). The discourses express this by reckoning *yoniso manasikāra* as the "nutriment", *āhāra*, for the awakening factors (S.V, 104). That is, "attention" that is "thorough" or "wise" quite literally "nourishes" the arising and establishment of those mental conditions that are directly responsible for awakening.

In particular, *yoniso manasikāra* directed to the distinction between what is wholesome and what is unwholesome nourishes the awakening factor of investigation-of-phenomena. *dhammavicaya*; *yoniso manasikāra* aimed at exertion and effort nourishes the awakening factor of energy; *yoniso manasikāra* in regard to tranquillity of body and mind nourishes the awakening factor of tranquillity; and *yoniso manasikāra* directed to the characteristic of tranquillity and collectedness of the mind nourishes the awakening factor of concentration (S.V, 104). In the case of the awakening factors of mindfulness, joy and equanimity, *yoniso manasikāra* should be aimed at whatever constitutes a basis for these awakening factors, their respective *sambojjhaṅgaṭṭhāniyā dhammā*.

Besides standing in a close relationship to the development of the awakening factors, *yoniso manasikāra* is also relevant for examining if the factors of awakening are well established in one's mind (S.V, 76), or if the mind of another is ripe for attaining any of the four levels of awakening (D. III, 107).

The imagery of providing a "nutriment" for certain mental qualities or factors also applies to the hindrances. Here *yoniso manasikāra* has the task of attending in such a way as to deprive the hindrances of nourishment. This takes place by directing *yoniso manasikāra* to the absence of beauty, to loving kindness, to exertion and effort, to peacefulness of the mind, and to the distinction between what is wholesome and what is unwholesome in order to "de-nourish", as it were, the hindrances of sensual desire, ill-will, sloth-and-torpor, restlessness-and-worry, and doubt(S.V, 105).

Xét về tiềm năng này, rõ ràng *yoniso manasikāra* là điều kiện trọng tâm cho sự sinh khởi của các yếu tố giác ngộ, cũng như đối lập của nó là *ayoniso manasikāra*, chịu trách nhiệm cho sự phát sinh của các chướng ngại (S.V, 94 và S.V, 84). Kinh điển tả điều này bằng cách coi *yoniso manasikāra* là “chất dinh dưỡng”, *āhāra*, cho các giác chi (S.V, 104). Nghĩa là, “sự chú ý” một cách “kỹ lưỡng” hay “khôn ngoan” theo đúng nghĩa đen là “nuôi dưỡng” sự khởi sinh và thiết lập những điều kiện tinh thần, chịu trách nhiệm trực tiếp cho sự thức tỉnh.

Đặc biệt, khi *yoniso manasikāra* được hướng đến sự phân biệt giữa điều thiện và điều bất thiện sẽ nuôi dưỡng trạch pháp giác chi, *dhammavicaya*; *yoniso manasikāra* nhắm vào nỗ lực và tăng cường nuôi dưỡng cần giác chi; *yoniso manasikāra* liên quan đến sự yên tĩnh của thân và tâm nuôi dưỡng tĩnh giác chi; và *yoniso manasikāra* hướng đến đặc tính tĩnh lặng và an tĩnh của tâm nuôi dưỡng định giác chi (S.V, 104). Trong trường hợp các giác chi niệm, hỷ và xả, *yoniso manasikāra* nên nhắm vào bất cứ điều gì tạo nên nền tảng cho các giác chi này, những *sambojjhaṅgaṭṭhāniyā dhammā* tương ứng của chúng.

Bên cạnh mối quan hệ chặt chẽ với sự phát triển của các giác chi, *yoniso manasikāra* cũng thích hợp để khảo sát xem các giác chi có được thiết lập tốt trong tâm một người hay không (S.V, 76), hay tâm đã chín muồi của người khác để đạt được bất kỳ một trong bốn cấp độ giác ngộ (D. Ill, 107).

Hình ảnh cung cấp “chất dinh dưỡng” cho những đặc tính hay yếu tố tinh thần nào đó cũng áp dụng cho các chướng ngại. Ở đây, *yoniso manasikāra* có nhiệm vụ chăm sóc theo cách để loại bỏ các chướng ngại nuôi dưỡng. Điều này xảy ra bằng cách hướng *yoniso manasikāra* đến sự vắng mặt của sắc đẹp, đến lòng từ, đến sự nỗ lực và chuyên cần, đến sự an lạc của tâm trí, và đến sự phân biệt giữa thiện và bất thiện, để “cắt dinh dưỡng” cho những phiền não của tham dục, sân hận, hôn trầm, trạo cử, và hoài nghi (S.V, 105).

In a more general way, the task of *yoniso manasikāra* comprises overcoming all three roots of evil. By wisely and thoroughly attending to the absence of beauty, the root defilement of lust, *rāga*, will no longer arise in the mind. Attending to loving kindness with *yoniso manasikāra* will lead to overcoming the root defilement of anger, *dosa*: and by dint of simply developing *yoniso manasikāra* as such it will be possible to overcome delusion, *moha* (A.I, 200). It is notable that just *yoniso manasikāra* itself is the chief factor responsible for avoiding delusion, which further reinforces the importance of its role as a "wise" form of attention that leads to liberating insight.

A practical example of how one should deal with unwholesome mental qualities through *yoniso manasikāra* can be found in a discourse that describes a monk whose mind is full of thoughts related to sensuality, ill-will and harming. A *deva*, who has become aware of the monk's condition, admonishes him (S.I, 203). The *deva* tells the monk that his condition is due to *ayoniso manasikāra* and advises him that he should give up such unwise forms of thinking, *ayonisopāṭinissajja*. Instead, he should direct his thoughts in a more appropriate manner, *yoniso anucintaya*. This he could do by recollecting his teacher, the teaching, the community, or his own virtue. Directing his thoughts in such a *yoniso* manner, joy will arise and lead him onwards on the path to liberation from *dukkha*.

A whole range of practical examples for *yoniso manasikāra* can be found in the *Sabbāsava Sutta*, whose exposition presents a series of activities that lead to overcoming the influxes. According to the introductory statement in this discourse, the destruction of the influxes requires knowing and seeing, and such knowing and seeing comes about through *yoniso manasikāra*. (M.I, 7). Thus *yoniso manasikāra* serves as a heading for all the methods listed in the *Sabbāsava Sutta*.

Nói một cách tổng quát hơn, nhiệm vụ của *yoniso manasikāra* bao gồm việc khắc phục cả ba gốc rễ của ác pháp. Bằng cách chú ý một cách khôn ngoan và kỹ lưỡng đến sự vắng mặt của sắc đẹp, gốc rễ của tham dục, *rāga*, sẽ không còn nảy sinh trong tâm nữa. Việc chú tâm vào tâm từ với *yoniso manasikāra* sẽ dẫn đến việc khắc phục được phiền não gốc rễ của sân hận, *dosa*; và chỉ cần phát triển *yoniso manasikāra* như vậy sẽ có thể khắc phục được si mê, *moha* (A.I, 200). Điều đáng chú ý là chính *yoniso manasikāra* là yếu tố chính chịu trách nhiệm tránh ảo tưởng (tà kiến), điều này càng củng cố tầm quan trọng của vai trò của nó như một hình thức chú ý “khôn ngoan” dẫn đến tuệ giác giải thoát.

Một ví dụ thực tế về cách một người nên đối phó với những phẩm chất tinh thần bất thiện thông qua *yoniso manasikāra* có thể được tìm thấy trong bài kinh mô tả một tu sĩ có tâm trí đầy rẫy những ý nghĩ liên quan đến nhục dục, sân hận và tổn hại. Một vị thiên đã biết được tình trạng của nhà sư nên đã đến khuyên nhủ ông ta (S.I, 203). Vị thiên nói với nhà sư rằng tình trạng của ông là do *ayoniso manasikāra* và khuyên ông nên từ bỏ những lối suy nghĩ thiếu khôn ngoan như vậy, *ayonisopatinissajja*. Thay vào đó, ông ta nên hướng suy nghĩ của mình theo cách thích hợp hơn, *yoniso anucintaya*. Ông ta có thể làm điều này bằng cách nhớ đến thầy mình, lời dạy, cộng đồng hoặc đức hạnh của chính mình. Với hướng suy nghĩ của mình theo cách *yoniso* như vậy, niềm vui sẽ khởi lên và dẫn dắt người đó tiến tới con đường giải thoát khỏi khổ đau.

Một loạt các ví dụ thực tế về *yoniso manasikāra* có thể được tìm thấy trong Kinh *Sabbāsava*, trong đó trình bày một loạt các hoạt động dẫn đến việc vượt qua các lậu hoặc. Theo lời mở đầu trong bài kinh này, việc tiêu diệt các lậu hoặc đòi hỏi phải biết và thấy, và việc biết và thấy đó phải xảy ra thông qua *yoniso manasikāra*. (MI, 7). Như vậy, *yoniso manasikāra* đóng vai trò là tiêu đề cho tất cả các phương pháp được liệt kê trong Kinh *Sabbāsava*.

Of the altogether seven methods for overcoming the influxes listed in the *Sabbāsava Sutta*, the first requires developing a vision of the four noble truth. Such vision stands in contrast to unwisely attending, *ayoniso manasikāra*, to meaningless questions of the type "am I at present?" etc. (M.I. 8). The other six methods involve "reflecting wisely", *paṭisaṅkhā yoniso*, in order to: establish sense-restraint; properly use one's requisites; patiently endure vicissitudes of climate etc.; avoid dangerous situations such as encountering wild animals etc.; remove unwholesome thoughts from the mind; and develop the factors of awakening. The range of activities assembled here reflects the compass of *yoniso manasikāra*, which covers proper use of requisites just as much as developing the mental qualities required to experience awakening. Whether one is wisely reflecting that food should not be taken for amusement, but only in order to maintain the body, or whether the factors of awakening are developed in such a manner that the mind inclines towards cessation and letting go — all such activities fall under the heading of *yoniso manasikāra*, developed for the sake of removing the influxes.

The presentation given in the *Sabbāsava Sutta* shows that *yoniso manasikāra* can take place at a reflective conceptual level of the mind as well as during deep meditation. Several discourses show how a more reflective type of *yoniso manasikāra* can serve as a transition from hearing teachings to engaging in actual practice. Yet, *yoniso manasikāra* is also part of the practice itself, since it includes the wise form of attention that is present during deeper stages of insight contemplation.

The importance of *yoniso manasikāra*

The importance of *yoniso manasikāra* for progress on the path to liberation can be gauged from its appearance in several listings of the factors that are required for reaching stream-entry. A rather brief listing speaks of two main factors for arousing right view: the voice of another and *yoniso manasikāra* (M.I, 294 or A.I, 87). Elsewhere in the discourses, the same theme is treated in more detail by listing altogether four factors of stream-entry.

Trong tông cộng bảy phương pháp để vượt qua các lậu hoặc được liệt kê trong Kinh *Sabbāsava*, phương pháp đầu tiên đòi hỏi phải phát triển một tầm nhìn về bốn đế. Cái nhìn như vậy trái ngược với việc lưu tâm một cách thiếu khôn ngoan, *ayoniso manasikāra*, vào những câu hỏi vô nghĩa thuộc loại “tôi có hiện tại không?” v.v. (M.I. 8). Sáu phương pháp còn lại liên quan đến việc “suy tư một cách khôn ngoan”, *paṭisaṅkhā yoniso*, nhằm: thiết lập sự kiềm chế giác quan; sử dụng đúng những vật dụng cần thiết của mình; kiên nhẫn chịu đựng những thăng trầm của khí hậu v.v.; tránh những tình huống nguy hiểm như gặp phải động vật hoang dã, v.v.; loại bỏ những ý nghĩ bất thiện ra khỏi tâm trí; và phát triển các yếu tố thức tỉnh. Phạm vi hoạt động được tập hợp ở đây phản ánh phạm trù của *yoniso manasikāra*, bao gồm việc sử dụng hợp lý các vật dụng cần thiết cũng như phát triển những phẩm chất tinh thần cần thiết để trải nghiệm sự thức tỉnh. Liệu một người đang suy ngẫm một cách khôn ngoan về thực phẩm có biết rằng không nên dùng để tiêu khiển mà chỉ để duy trì cơ thể, hoặc liệu các giác chi được phát triển có theo cách để khiến tâm nghiêng về sự dừng lại và buông bỏ hay không – tất cả các hoạt động như vậy đều thuộc tiêu đề *yoniso manasikāra*, được phát triển. nhằm mục đích loại bỏ các lậu hoặc.

Sự trình bày trong Kinh *Sabbāsava* cho thấy rằng *yoniso manasikāra* có thể diễn ra ở cấp độ khái niệm phản ánh của tâm trí cũng như trong quá trình thiền định thâm sâu. Một số bài kinh cho thấy một loại *yoniso manasikāra* có tính suy ngẫm hơn có thể đóng vai trò chuyển tiếp từ việc nghe giáo lý sang việc tham gia thực hành thực sự như thế nào. Tuy nhiên, *yoniso manasikāra* cũng là một phần của việc thực hành, vì nó bao gồm hình thức chú ý khôn ngoan hiện diện trong những giai đoạn sâu hơn của thiền minh sát.

Tầm quan trọng của *yoniso manasikāra*

Tầm quan trọng của *yoniso manasikāra* đối với sự tiến bộ trên con đường dẫn đến giải thoát có thể được đánh giá từ sự xuất hiện của nó trong một số danh sách các yếu tố cần thiết để đạt đến quả thánh đạo. Một danh sách khá ngắn gọn nói về hai yếu tố chính để khơi dậy chánh kiến: tiếng nói của người khác và *yoniso manasikāra* (M.I, 294 hoặc A.I, 87). Ở những chỗ khác trong các bài kinh, chủ đề tương tự được đề cập chi tiết hơn bằng cách liệt kê tất cả bốn yếu tố của nhập lưu (sơ đạo).

The obvious and most basic requirement is to come in contact with a superior human being who transmits the type of proper teachings that, on being put into practice, lead to liberation. Another basic requirement is to be willing to listen to such teachings. Given that much, one needs to listen to the teachings without being mentally distracted, *avikhittacitto dhamma supāli*, in order to be able to develop single-minded *yoniso manasikāra* on such an occasion (A.III, 175).

Additional detail on this series of steps leading up to stream-entry can be gathered from some discourses, which depict a progression from listening to the proper teachings via the establishment of "faith" or "confidence", *saddhā*, to *yoniso manasikāra* (A.V, 115). The inner confidence or faith gained from listening to the proper teachings thus serves as a "nutriment" for *yoniso manasikāra*, since the inspiration developed in such way quite literally nourishes the development and maintenance of wise and thorough attention (A.V, 115). To be able to rouse such inspiration requires overcoming three adverse conditions: forgetfulness, thoughtlessness, and confusion (A.V, 145).

Once that much has been achieved, *yoniso manasikāra* plays its crucial role in bridging the transition from passive reception of the teachings to their active application. In this way, *yoniso manasikāra* can become the basis for overcoming sensuality and other unwholesome qualities; for tranquillizing any gross type of activity by way of body, speech and mind; and for developing insight into what is wholesome and what is unwholesome (D.II, 214).

The directional input provided by *yoniso manasikāra* for undertaking practice is comparable to the early morning dawn. Just as the early morning dawn is the harbinger of the rising of the sun, so *yoniso manasikāra* is the harbinger of the noble eightfold path (S.V, 31) and of the seven factors of awakening (S.V, 79). *Yoniso manasikāra* is of such importance in relation to these two sets, that some discourses declare no other mental quality to be more helpful for arousing the noble eightfold path (S.V, 35), or for developing the awakening factors (S.V, 101).

Điều kiện hiển nhiên và cơ bản nhất là tiếp xúc với một con người cao siêu hơn, người truyền dạy loại giáo lý đúng đắn mà khi áp dụng vào thực hành sẽ dẫn đến giải thoát. Một yêu cầu cơ bản khác là sẵn sàng lắng nghe những lời dạy như vậy. Với chừng ấy nhu liệu, người ta cần lắng nghe giáo lý mà không bị phân tâm, *avikhittacitto dhamma supāli*, để có thể phát triển nhất tâm *yoniso manasikāra* trong trường hợp như vậy (A.III, 175).

Chi tiết bổ sung về chuỗi các bước dẫn đến nhập lưu này có thể được thu thập từ một số bài kinh, trong đó mô tả một tiến trình từ việc lắng nghe những lời dạy đúng đắn thông qua việc thiết lập “niềm tin” hay “sự tự tin”, *saddhā*, đến *yoniso manasikāra* (A.V, 115). Sự tự tin hay niềm tin nội tâm có được từ việc lắng nghe những giáo lý đúng đắn được dùng như một “chất dinh dưỡng” cho *yoniso manasikāra*, vì nguồn cảm hứng được phát triển theo cách đó theo nghĩa đen là sự phát triển và duy trì sự chú ý sáng suốt và thấu đáo (A.V, 115). Để có thể khơi dậy nguồn cảm hứng đó đòi hỏi phải vượt qua ba điều kiện bất lợi: hay quên, thiếu suy nghĩ và nhầm lẫn (A.V, 145).

Một khi đã đạt được điều đó, *yoniso manasikāra* đóng vai trò quan trọng trong việc bắc cầu chuyển tiếp từ sự tiếp nhận giáo lý một cách thụ động sang sự áp dụng chúng một cách tích cực. Bằng cách này, *yoniso manasikāra* có thể trở thành nền tảng để khắc phục dục lạc và những phẩm chất bất thiện khác; để làm dịu bất kỳ loại hoạt động thô thiển nào qua thân, khẩu và ý; và để phát triển tuệ giác về điều gì là thiện và điều gì là bất thiện (D.II, 214).

Dữ liệu định hướng do *yoniso manasikāra* cung cấp cho việc thực hành có thể so sánh với bình minh buổi sáng sớm. Giống như bình minh buổi sáng sớm là điềm báo mặt trời mọc, *yoniso manasikāra* là điềm báo của Bát chánh đạo (S.V, 31) và của Thất giác chi (S.V, 79). *Yoniso manasikāra* có tầm quan trọng liên quan đến hai nhóm pháp này, đến nỗi một số kinh tuyên bố rằng không có phẩm chất tinh thần nào khác hữu ích hơn *yoniso manasikāra* trong việc khơi dậy Bát chánh đạo (S.V, 35), hoặc để phát triển Thất giác chi (S.V, 101).

In short, all wholesome qualities have their root in *yoniso manasikāra* (S.V, 91), and the proper directional input given by *yoniso manasikāra* is the decisive factor for undertaking wholesome deeds (A.V, 87). Thus *yoniso manasikāra* is the factor par excellence for arousing wholesome qualities and for overcoming unwholesome qualities (A.I, 13), thereby leading to great benefit and ensuring the endurance of the teachings (A. I, 18). Besides, the development of *yoniso manasikāra* also constitutes a source of delight, joy and happiness, *yonisomanasikaroto pāmojjaṃ jāyati, pamuditassa pitijāyati, pītimanassa sukhaṃ vedeti* (D.III, 288).

As a form of actual practice, *yoniso manasikāra* is of continuous relevance all the way from the first steps of practice to final liberation, a progressive development during which what initially was a form of reflection on teachings one has heard grows into a silent attention directed to the true nature of reality during deeper stages of meditation. As a form of attention present during deeper stages of insight, *yoniso manasikāra* directed to the impermanent, unsatisfactory and selfless nature of the five aggregates of clinging is a form of meditation practice that is relevant to the stage of a worldling as well to an arahant (S.III, 167). That is, independent of what level of liberation someone may have already reached, *yoniso manasikāra* developed in this way constitutes the path to the next higher stage. For those who have completed the path, the fully awakened ones, *yoniso manasikāra* is still of continuous relevance, since it provides a pleasant abiding in the present moment and because it engenders mindfulness and clear comprehension.

The importance of *yoniso manasikāra* as a form of attention that leads to various stages of awakening is also reflected in the *Theragāthā*, where verses related to the attainment of liberation repeatedly indicate how on that occasion *yoniso manasikāra* arouse in the mind, *tato me manasikāro yoniso udapajjatha*. In such contexts, the task of *yoniso manasikāra* is to reveal the true nature of experience and thereby cause the arising of utter disenchantment.

Nói tóm lại, tất cả các phẩm chất thiện đều có nguồn gốc từ *yoniso manasikāra* (S.V, 91), và sự định hướng đúng đắn do *yoniso manasikāra* đem lại là yếu tố quyết định để thực hiện các hành động thiện (A.V, 87). Như vậy, *yoniso manasikāra* là yếu tố tuyệt hảo để khơi dậy những phẩm chất thiện và khắc phục những phẩm chất bất thiện (A.I, 13), từ đó đưa đến lợi ích to lớn và đảm bảo sự tồn tại lâu dài của giáo lý (A. I, 18). Ngoài ra, sự phát triển của *yoniso manasikāra* cũng tạo thành nguồn vui, hỷ lạc và hạnh phúc, *yonisomanasikaroto pāmojjaṃ jāyati, pamuditassa pitijāyati, pīṭimanassa sukhaṃ vedeti* (D.III, 288).

Là một hình thức thực hành thực tế, *yoniso manasikāra* có liên quan liên tục từ những bước thực hành đầu tiên đến sự giải thoát cuối cùng, một sự phát triển tiến bộ trong đó những gì ban đầu là một hình thức suy ngẫm về những giáo lý mà người ta đã nghe, phát triển thành sự chú ý thâm lặng hướng đến bản chất thực sự của thực tế trong các giai đoạn thiền định sâu hơn. Là một hình thức chú ý hiện diện trong những giai đoạn sâu hơn của tuệ giác, *yoniso manasikāra* hướng đến bản chất vô thường, bất toại nguyện và vô ngã của năm thủ uẩn là một hình thức thực hành thiền phù hợp với giai đoạn phàm phu cũng như bậc A-la-hán (S.III, 167). Nghĩa là, không phụ thuộc vào mức độ giải thoát mà một người có thể đã đạt tới, *yoniso manasikāra* được phát triển theo cách này tạo thành con đường dẫn đến giai đoạn cao hơn tiếp theo. Đối với những người đã hoàn thành con đường, những người đã giác ngộ hoàn toàn, *yoniso manasikāra* vẫn liên tục có liên quan, vì nó mang lại cảm giác an trú dễ chịu trong khoảnh khắc hiện tại và bởi vì nó tạo ra chánh niệm và sự hiểu biết rõ ràng.

Tầm quan trọng của *yoniso manasikāra* như một hình thức chú ý dẫn đến các giai đoạn giác ngộ khác nhau cũng được phản ánh trong *Theragāthā*, trong đó các bài kệ liên quan đến việc đạt được giải thoát liên tục chỉ ra cách thức vào lúc đó, *yoniso manasikāra* khơi dậy trong tâm, *tato me manasikāro yoniso udapajjatha*. Trong những bối cảnh như vậy, nhiệm vụ của *yoniso manasikāra* là phát hiện bản chất thực sự của trải nghiệm và do đó gây ra sự phát sinh của sự chán nản hoàn toàn.

Examples are the verses of *Nāgasamāla*, who attained liberation when directing *yoniso manasikāra* to the vision of a dancing girl giving a performance (Thag. 269); *Sundarasamudda*, who faced temptation by a courtesan with *yoniso manasikāra* (Thag. 464); *Candana*, who maintained *yoniso manasikāra* when encountering his former wife (Thag. 301); *Rājadatta*, who kept to *yoniso manasikāra* when contemplating a corpse (Thag.318); *Bhagu*, who was full of *yoniso manasikāra* after struggling to overcome torpor (Thag. 273); and *Sappadāsa*, who was saved from committing suicide by *yoniso manasikāra* (Thag. 409).

In the majority of these cases, *yoniso manasikāra* appears to be directed to the absence of beauty in particular, *asubha*, whereby not only the hindrance of sensual desire can be overcome. But even, as these instances show, the goal of final liberation can be won. But struggle with sensuality is clearly not the only occasion when *yoniso manasikāra* can unfold its awakening potential, as the above examples show that it can also serve its purpose when having to confront torpor or being under the influence of suicidal intentions.

In sum, then, *yoniso manasikāra* as a "wise" and at the same time "thorough" and "appropriate" type of attention has a remarkably broad scope within the context of early Buddhist mental training, ranging from attention given to the proper attitude towards food and similar requisites, or from attending single-mindedly to the oral delivery of teachings, all the way up to the penetrative type of attention that heralds the breakthrough to awakening. Given its range of applicability, *yoniso manasikāra* thus stands out as one of the key aspects of the early Buddhist path to liberation, a quality whose gradual development offers a substantial contribution to various aspects of the path to deliverance.

In sum:

"Wise attention - this is one factor that conduces to distinction.

Unwise attention - this is one factor that conduces to ruin".

Yoniso manasikāro - ayam eko dhammo visesabhāgiyo.

Ayoniso manasikāro - ayam eko dhammo hānabhāgiyo. (D. Ill. 273).

Anālayo

Ví dụ là những câu kệ của *Nāgasamāla*, người đã đạt được giải thoát khi hướng *yoniso manasikāra* đến hình ảnh một cô gái nhảy múa đang biểu diễn (Thag. 269); *Sundarasamudda*, người đã phải đối mặt với sự cám dỗ của một kỹ nữ bằng *yoniso manasikāra* (Thag. 464); *Candana*, người đã duy trì *yoniso manasikāra* khi gặp phải vợ cũ (Thag. 301); *Rājadatta*, người giữ *yoniso manasikāra* khi quán tử thi (Thag.318); *Bhagu*, người tràn đầy *yoniso manasikāra* sau khi nỗ lực vượt qua tình trạng hôn trầm (Thag. 273); và *Sappadāsa*, người được *yoniso manasikāra* cứu khỏi ý định tự tử (Thag. 409).

Trong phần lớn các trường hợp này, *yoniso manasikāra* dường như hướng đến sự vắng mặt của sắc đẹp, đặc biệt là *asubha*, nhờ đó có thể khắc phục được phiền não của ham muốn nhục dục. Nhưng ngay cả như những trường hợp này cho thấy, mục tiêu giải thoát cuối cùng vẫn có thể đạt được. Nhưng đấu tranh với nhục dục rõ ràng không phải là cơ hội duy nhất khi *yoniso manasikāra* có thể phát huy tiềm năng thức tỉnh của nó, vì các ví dụ trên cho thấy rằng nó cũng có thể phục vụ mục đích của nó khi phải đối mặt với tình trạng hôn trầm hoặc bị ảnh hưởng bởi ý định tự tử.

Tóm lại, *yoniso manasikāra* như một kiểu chú ý "khôn ngoan", đồng thời "toàn diện" và "thích hợp", có phạm vi rất rộng trong bối cảnh rèn luyện tinh thần Phật giáo nguyên thủy, từ sự chú ý đến thái độ đúng đắn đối với thức ăn và những vật dụng cần thiết tương tự, hoặc từ việc chuyên tâm tham dự đến việc giảng dạy bằng miệng, cho đến cách chú tâm xuyên thấu báo trước sự đột phá đến giác ngộ. Với phạm vi áp dụng rộng rãi của nó, *yoniso manasikāra* nổi bật như một trong những khía cạnh then chốt của con đường Phật giáo nguyên thủy đi đến sự giải phóng, một phẩm chất mà sự phát triển dần dần của nó mang lại sự đóng góp đáng kể cho các khía cạnh khác nhau của lối sống trên con đường giải thoát.

Tóm lại:

“Sự chú ý sáng suốt – đây là một yếu tố đưa đến sự khác biệt.

Sự chú ý khôn ngoan - đây là một yếu tố đưa đến sự hủy hoại”.

Yoniso manasikāro - ayam eko dhammo visesabhāgiyo.

Ayoniso manasikāro - ayam eko dhammo hānabhāgiyo. (D. III. 273).

Anālayo